TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HỒI** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HS-ST
Ngày: 27-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ pHi toà: Ông Phan Trường Thọ.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Xuân và bà Trần Thị Huyện.

- Thư ký pHi toà: Ông Trần Minh Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia pHi toà: Bà Hoàng Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27-11-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2019/TLST-HS ngày 13-9-2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-HS, ngày 11-10-2019 đối với các bị cáo:

1. Bùi T, sinh ngày 01-4-1993, tại Hưng Yên; Nơi cư trú: Thôn 4, xã ĐK, huyện NH, tỉnh Kon Tum; Dân tộc; Kinh; Quốc tịch: Việt N; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Không ổn định; Con ông Bùi T và bà Trần Thị Th; Có vợ tên Hà Thị Ph và 02 người con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 17-6-2019 đến ngày 30-10-2019 và được tại ngoại cho đến nay. (Có mặt).

2. Nguyễn N, sinh ngày 02-3-1994, tại Quảng Bình; Nơi cư trú: Thôn 4, xã ĐK, huyện NH, tỉnh Kon Tum; Dân tộc; Kinh; Quốc tịch: Việt N; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Không ổn định; Con ông Nguyễn Tiến Ph và bà Nguyễn Thị Hi ; Có vợ tên Nguyễn Thị Mỹ H(chưa đăng ký kết hôn) và 01 người con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06-5-2019 đến ngày 20-6-2019 và được tại ngoại cho đến nay. (Có mặt).

- Bị hại:

+ Ông H An, sinh năm 1949. (Vắng mặt);

+ Bà Nguyễn Tâ, sinh năm 1952. (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã ĐK, huyện NH, tỉnh Kon Tum.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Trần Thị Th, sinh năm 1971. (Vắng mặt);

+ Bà Nguyễn Thị Hi , sinh năm 1971. (Có mặt);

+ Chị Hà Thị Ph, sinh năm 1995. (Vắng mặt);

+ Anh Hoàng C. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã ĐK, huyện NH, tỉnh Kon Tum.

+ Anh Trương D (Vắng mặt); Địa chỉ: Thôn N, xã ĐX, huyện NH tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại pHi tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 12-01-2019, Bùi T và Nguyễn N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 82E1 – 079.32 đến vườn nhà ông H An và bà Nguyễn Tâ tại Thôn 3, xã ĐK, huyện NH để bẫy chim. Trong quá trình bẫy, cả hai nhìn thấy phía sau ngôi nhà của bà Tâ có 02 thanh giường. T nghĩ 02 thanh giường đó bằng gỗ trắc nên nảy sinh ý định trộm cắp và nói với N về ý định của mình thì được N đồng ý. Tiếp đó, cả hai khiêng 02 thanh giường ra bỏ gần chỗ để xe mô tô rồi quay lại phía nhà bà Tâ. Lúc này, T nói với N "trong nhà có nhiều gỗ trắc nhưng cửa bị khóa". N trả lời "nhà tao có kìm cộng lực, hay là về nhà tao lấy?". Sau đó, T và N chở 02 thanh giường về nhà N cất giấu, xong N mang theo 01 kìm cộng lực, chở T quay lại nhà bà Tâ. Tại đây, T dùng kìm cộng lực cắt đứt đoạn dây kẽm buộc cửa nhà kho rồi cùng N vào bên trong lấy được 02 miếng gỗ cẩm có khắc chữ "Nhẫn" để ở dưới nền nhà. Tiếp đó, N dùng kìm cộng lực cắt đứt cuộn dây kẽm móc với ổ khóa cửa của ngôi nhà chính. Sau khi đột nhập được vào nhà, cả hai cùng nhau lấy trộm 01 lọ hoa bằng gỗ cẩm, 01 lọ hoa bằng gỗ trắc, 02 lọ hoa bằng gỗ hương, 02 lục bình bằng gỗ mít, 01 tượng thần tài bằng gỗ Pơmu, 01 bình hoa bằng gốc cà phê, bỏ vào bao xác rắn rồi đưa lên xe mô tô chở về. Khi tới nhà mình, T lấy ra 01 tượng thần tài và 02 lục bình bằng gỗ mít mang vào cất sau nhà. Số gỗ còn lại cả hai mang đến nhà N cất giấu. Tối cùng ngày, anh Hoàng C đến nhà N chơi, tại đây N bán cho anh C 02 lọ hoa bằng gỗ hương trộm được với giá 500.000đồng. Sáng ngày 13-01-2019 N đến nhà T lấy 02 lục bình bằng gỗ mít và cầm theo 01 lọ hoa bằng gỗ trắc đến bán cho anh Trương D với giá 400.000đồng.

Ngày 13-01-2019 bà Nguyễn Tâ đã làm đơn trình báo Công an xã ĐK. Qua làm việc với cơ quan Công an N đã khai nhận toàn bộ hành vi. Riêng Bùi T bỏ trốn khỏi địa Ph đến ngày 06-6-2019 thì đến cơ quan Công an đầu thú.

Tại bản kết luận định giá số: 208/BB-HDĐG ngày 26-02-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Uỷ ban nhân dân huyện Ngọc Hồi Ngọc Hồi xác định giá trị của các tài sản do T và N trộm cắp như sau: 01 lọ hoa

bằng gỗ cẩm, cao 30cm, đường kính rộng nhất 10cm có giá 600.000đồng; 01 bình hoa bằng gỗ gốc cây cà phê, cao 20cm, đường kính rộng nhất 20cm giá 600.000 đồng; 02 miếng gỗ cẩm, dài 80cm, rộng 20cm, dày 03cm, trên bề mặt có khắc chữ "nhẫn" giá 1.000.000 đồng; 01 tượng thần tài bằng gỗ Pơ mu, cao 60cm, đường kính rộng nhất 20cm giá 4.900.000 đồng; 02 thanh giường bằng gỗ lát khét dài 1,8m, rộng 20cm giá 200.000 đồng; 01 lọ hoa bằng gỗ trắc cao khoảng 30cm, đường kính khoảng 10cm có giá 1.000.000 đồng; 02 lọ hoa bằng gỗ hương, cao khoảng 30cm, đường kính khoảng 10cm có giá 800.000 đồng; 02 lục bình bằng gỗ mít, cao khoảng 60cm, đường kính khoảng 15cm có giá trị 800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 9.900.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 42/CT-VKS-NH, ngày 11-9-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi truy tố Bùi T và Nguyễn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Bùi T và Nguyễn N, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố các bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản";

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi T mức án từ 04 tháng đến 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giam;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn N mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giam.

2. Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 500.000đồng bị cáo N có được từ việc bán tài sản trộm cắp cho anh Hoàng C: Do hiện nay bị cáo đã bỏ tiền để bồi thường cho người bị hại nên không xem xét. Đối với số tiền 400.000đồng mà bị cáo N có được từ việc bán tài sản trộm cắp cho anh Trương D: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo trả lại số tiền này cho anh Diệu.

3. Về vật chứng vụ án: Đề nghị tuyên tịch thu, tiêu hủy 01 cây kìm cộng lực do các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội;

4. Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chị 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại pHi tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ngọc Hồi và Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi

đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thẩm quyền thủ tục tiến hành tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa, người bị hại – ông H An, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Th, anh Hoàng C, anh Trương D đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Hà Thị Ph, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 3 nhưng vắng mặt không có lý do. Xét việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các bị cáo Bùi T và Nguyễn N khai nhận: Sáng ngày 12-01-2019, T và N điều khiển xe mô tô đến vườn cà phê nhà ông H An, bà Nguyễn Tâ tại thôn 3, xã ĐK, huyện NH để bẫy chim. Sau đó, cả hai đã lấy trộm của vợ chồng ông An – bà Tâ 02 thanh giường đó bằng gỗ, rồi tiếp tục dùng kim cộng lực cắt khóa lẽn vào nhà kho và nhà chính của vợ chồng bà Tâ lấy thêm 02 miếng gỗ cẩm có khắc chữ "Nhẫn", 01 lọ hoa bằng gỗ cẩm, 01 lọ hoa bằng gỗ trắc, 02 lọ hoa bằng gỗ hương, 02 lục bình bằng gỗ mít, 01 tượng thần tài bằng gỗ Pumu, 01 bình hoa bằng gốc cà phê. Đến ngày 13-01-2019 thì bị cơ quan Công an phát hiện.

Lời khai của Bùi T và Nguyễn N phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại và những người tham gia tố tụng khác, cùng các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở xác định về hành vi của Bùi T và Nguyễn N, đó là: Lợi dụng khi vợ chồng ông H An - bà Nguyễn Tâ không có mặt ở nhà, các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc sở hữu của ông An, bà Tâ. Kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Uỷ ban nhân dân huyện Ngọc Hồi xác định: Các tài sản do Bùi T và Nguyễn N chiếm đoạt có tổng giá trị là 9.900.000 đồng. Mặt khác, tại thời điểm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, cả hai bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó, hành vi của Bùi T và Nguyễn N đã phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự - đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi đã truy tố đối với các bị cáo.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, thấy rằng: Hành vi phạm tội của Bùi T và Nguyễn N là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo nhận thức được rằng, việc trộm cắp tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án. Nhưng với bản tính tham lam, thích hưởng thụ, các bị cáo cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của Bùi T và Nguyễn N không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn thể hiện ý thức coi thường pháp luật của các bị cáo, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Trong vụ án này, việc phạm tội của Bùi T và Nguyễn N mang tính đồng phạm giản đơn, trong đó T là người khởi xướng, rủ rê Nguyễn N cùng thực hiện tội phạm và cũng là người thực hành tích cực; sau khi phạm tội lại bỏ trốn khỏi địa Ph gây khó khăn cho công tác điều tra vụ án. Đối với Nguyễn N, khi được T rủ rê chẳng những không can ngăn mà còn nhiệt tình hưởng ứng và thực hành tích cực; sau khi phạm tội, trong thời gian được bảo lĩnh tại ngoại bị cáo lại có hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy nên đang bị khởi tố, điều tra; bên cạnh đó N là

người có nhân thân xấu (vào năm 2017 đã có hành vi cố ý gây thương tích cho người khác và bị khởi tố, truy tố nhưng sau đó Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi đình chỉ vụ án do bị hại rút yêu cầu).

[4] Xét các tình tiết tăng nặng - giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bùi T và Nguyễn N không phải chịu các quy định về tăng nặng trách nhiệm hình sự. Mặt khác, cả hai bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã tích cực cùng với gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; được người bị hại – bà Nguyễn Tâ và ông H An xin giảm nhẹ hình phạt. Bởi vậy, cả Bùi T và Nguyễn N đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại các điểm b, i, s khoản 1 và 01 tình tiết theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Bùi T, sau khi bỏ trốn một thời gian đã ra đầu thú; hiện nay bị cáo đang là lao động chính trong gia đình đang nuôi 02 con nhỏ, vợ bị cáo đã bỏ đi khỏi địa phương, nên được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. T cũng là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Từ những phân tích, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm và hậu quả do các bị cáo gây ra; với nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò, vị trí của mỗi bị cáo như trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly Bùi T và Nguyễn N ra khỏi đời sống chung của xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Đồng thời, buộc bị cáo Nguyễn N phải chịu mức án cao hơn mức án của bị cáo Bùi T, là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hiện nay, bị cáo Bùi T và Nguyễn N đều không có nghề nghiệp và nguồn thu nhập ổn định, lại đang nuôi con nhỏ, nên không buộc các bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[7] Đối với anh Hoàng C và anh Trương D, là những người đã mua tài sản do Nguyễn N trộm cắp được. Tuy nHi , khi mua số tài sản này anh Dvà anh C không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Bà Trần Thị Th là chủ sở hữu chiếc xe mô tô biển kiểm soát 82E1 – 079.32 mà Bùi T đã sử dụng làm Ph tiện phạm tội. Nhưng bà Thương không biết việc T lấy xe để sử dụng vào mục đích phạm tội. Bởi vậy, không đủ cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà Thương, anh Dvà anh C.

[8] Về vật chứng và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra có thu giữ: 01 tượng thần tài, 01 lọ hoa bằng gỗ cẩm, 01 lọ hoa bằng gỗ trắc, 01 bình hoa bằng gốc cây cà phê, 01 cặp lục bình gỗ mít, 02 miếng gỗ cẩm khắc chữ "Nhẫn", 02 thanh giường gỗ lát khét; 01 xe mô tô BKS 82E1 – 079.32 và 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thị Th; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7; 01 kìm cộng lực.

Sau khi làm rõ, Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ số tài sản bằng gỗ cho cho người bị hại – ông H An và bà Nguyễn Tâ; trả lại xe mô tô cho người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Th; trả lại chiếc điện thoại cho bị cáo Nguyễn N, là phù hợp.

Riêng chiếc kìm cộng lực là tài sản của Nguyễn N sử dụng vào mục đích phạm tội và không có giá trị sử dụng, nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 02 lọ hoa bằng gỗ hương mà bị cáo N đã bán cho anh Hoàng C: Hiện nay anh C đã làm thất lạc nên không có cơ sở để xử lý.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn N và Bùi T đã cùng với người thân bồi thường cho ông H An và bà Nguyễn Tâ số tiền 3.000.000đồng. Sau khi nhận lại số tài sản bị chiếm đoạt và được bồi thường số tiền 3.000.000đồng, người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đối với bà Trần Thị Th, bà Nguyễn Thị Hi : Là những người đã trực tiếp mang số tiền 3.000.000đồng đến bồi thường cho người bị hại. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, cả bà Thương và bà Hi đều khẳng định số tiền vừa nêu là của hai bị cáo và không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét đối với số tiền này. Riêng chị Hà Thị Ph: Theo lời khai của bà Thương tại cơ quan điều tra thể hiện: Trong số tiền đã bồi thường, chị Ph có đưa cho bà Thương 500.000đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị Ph vắng mặt, trong quá trình điều tra cũng không có ý kiến về số tiền vừa nêu, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Sau này nếu chị Ph có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ việc riêng.

Đối với anh Trương D: Trong quá trình điều tra và đơn xin xét xử vắng mặt, anh D yêu cầu bị cáo Nguyễn N hoàn trả lại số tiền 400.000đồng mà anh Dđã trả cho bị cáo khi mua 02 lục bình bằng gỗ mít và 01 lọ hoa bằng gỗ trắc. Yêu cầu này của anh Dlà có cơ sở và bị cáo N đồng ý nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về số tiền 500.000đồng do bị cáo N có được từ bán tài sản trộm cắp cho anh Hoàng C: Do anh C đã làm thất lạc 02 lọ hoa mua từ bị cáo N. Hơn nữa, hiện nay bị cáo đã bỏ tiền để bồi thường cho người bị hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với số tiền vừa nêu.

[10] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng bị cáo Nguyễn N do phải hoàn trả cho anh Trương D số tiền 400.000đồng nên phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi T và bị cáo Nguyễn N phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Bùi T 06 *(sáu)* tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giam (từ ngày 16-7-2019 đến ngày 30-10-2019).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn N 07 *(bảy)* tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giam (từ ngày 06-5-2019 đến ngày 20-6-2019).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: *Áp dụng các Điều 47 và 48 Bộ luật Hình sự; Điều 127 và 131 Bộ luật Dân sự;*

- Buộc bị cáo Nguyễn N phải trả lại cho anh Trương D số tiền 400.000đồng *(Bốn trăm nghìn đồng)* – đây là số tiền bị cáo nhận được từ việc bán cho anh D các tài sản do phạm tội mà có gồm 02 lục bình bằng gỗ mít và 01 lọ hoa bằng gỗ trắc.

Áp dụng khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu anh Trương D có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo Nguyễn N không trả đủ số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì mức lãi suất chậm trả là 10%/năm.

3. Về xử lý vật chứng: *Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;*

- Tịch thu, tiêu hủy 01 kìm cộng lực màu xanh, mã 350/14'', nhãn hiệu HARK CAPUT. (*Vật chứng này, như được ghi tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19-9-2019 giữa Công an huyện Ngọc Hồi với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi).*

4. Về án phí: *Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;*

- Buộc các bị cáo Bùi T, Nguyễn N, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn N phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về kháng cáo: *Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;*

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27-11-2019), các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bán án theo thủ tục phúc thẩm. Riêng người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND t. Kon Tum;
- VKSND t. Kon Tum;
- VKSND h. Ngọc Hồi;
- Công an h. Ngọc Hồi;
- Chi cục THADS h. Ngọc Hồi;
- Bị cáo; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHI TOÀ

Phan Trường Thọ